

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 20/4/2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua danh mục các dự án quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực;

Căn cứ Quyết định số 3589/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn huyện Tam Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 367/TTr-TNMT ngày 21/6/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tam Nông với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp là: 11.015,18 ha, giảm 0,88 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất chuyên trồng lúa nước là: 1.290,78 ha, giảm 0,28 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây hàng năm khác là: 1.316,56 ha, giảm 0,21 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây lâu năm là: 2.376,16 ha, giảm 0,42 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất rừng sản xuất là: 2.946,01 ha, tăng 0,03 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp là: 4.316,94 ha, tăng 0,89 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt, cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là: 77,30 ha, giảm 0,06 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là: 1.364,80 ha, tăng 0,87 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất ở tại nông thôn là: 665,79 ha, giảm 0,04 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh diện tích đất chưa sử dụng là: 336,43 ha, giảm 0,01 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

Các chỉ tiêu khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của UBND huyện Tam Nông đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt.

Biểu 01. Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh kế hoạch

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD được duyệt (ha)	Diện tích Điều chỉnh, bổ sung (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		15.668,55	15.668,55	
1	Đất nông nghiệp	NNP	11.016,06	11.015,18	-0,88
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.287,72	3.287,43	-0,28
	<i>Tr. đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.291,06</i>	<i>1.290,78</i>	<i>-0,28</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.316,77	1.316,56	-0,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.376,58	2.376,16	-0,42
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	214,33	214,33	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.945,98	2.946,01	0,03
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	788,78	788,78	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD được duyệt (ha)	Diện tích Điều chỉnh, bổ sung (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	85,90	85,90	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.316,05	4.316,94	0,89
2.1	Đất quốc phòng	CQP	81,08	81,08	
2.2	Đất an ninh	CAN	3,02	3,02	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	438,73	438,73	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT			
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	80,73	80,73	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	8,08	8,08	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	77,24	77,30	0,06
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	48,02	48,02	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	53,54	53,54	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.363,93	1.364,80	0,87
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,66	11,66	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	665,83	665,79	-0,04
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	47,94	47,94	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,42	12,42	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,04	1,04	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,69	16,69	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.347,34	1.347,34	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	52,51	52,51	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	6,25	6,25	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	336,44	336,43	-0,01

2. Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tam Nông.

Tổng số 05 dự án, trong đó: bổ sung mới 02 dự án; điều chỉnh tên, cơ cấu diện tích, loại đất: 03 dự án.

(Chi tiết có phụ biểu số 02 đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tam Nông theo quyết định đã được UBND tỉnh phê duyệt; tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Tam Nông có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Tam Nông và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

Phụ biểu 02. Danh mục công trình bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tam Nông
(Kèm theo Quyết định số: 1454/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh)

T T	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất											Căn cứ pháp lý
				LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	SKC	NTD	DGT	DTL	ONT	CSD	
A	Công trình, dự án bổ sung mới trong KHSDD năm 2021		1,43	0,31		0,55	0,08		0,02	0,02	0,40		0,04	0,01	
1	Mở rộng, cải tạo khuôn viên trường mầm non Hương Nộn, huyện Tam Nông	Xã Hương Nộn	0,3	0,3											Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục khu 1, khu 5, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông	Xã Thanh Uyên	1,13	0,01		0,55	0,08		0,02	0,02	0,40		0,04	0,01	Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ
B	Công trình dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 nay điều chỉnh bổ sung loại đất, diện tích														
I	Loại đất, diện tích thu hồi, chuyển mục đích theo KHSDD đã được duyệt		5,22	0,33		0,34		4,55							
1	Nhà máy sản xuất gỗ ván ép và đồ gỗ nội thất cao cấp Quang Minh - Phú Thọ	Xã Hương Nộn	4,55					4,55							Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 04/3/2020 của HĐND tỉnh
2	Mở rộng cửa hàng xăng dầu	Khu 2, xã Hương Nộn	0,33	0,33											Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
3	Mở rộng diện tích khu di tích lịch sử Rừng Cắm	Xã Hiền Quan	0,34			0,34									Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh
II	Điều chỉnh loại đất, diện tích		5,30	0,30			0,34	4,52			0,13	0,01			
1	Nhà máy sản xuất gỗ ván ép và đồ gỗ nội thất cao cấp Quang Minh- Phú Thọ	Xã Hương Nộn	4,63					4,52			0,11				Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 04/3/2020 của HĐND tỉnh

2	Mở rộng cửa hàng xăng dầu	Khu 2, xã Hương Nộn	0,33	0,30							0,02	0,01			Nghị quyết số 09/2020/NQ- HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
3	Mở rộng diện tích khu di tích lịch sử Rừng Cấm	Xã Hiền Quan	0,34				0,34								Nghị quyết số 20/2020/NQ- HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh